

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH HƯNG
TỈNH LONG AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2023/HNGĐ-ST

Ngày 07-8-2023

V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG, TỈNH LONG AN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Huỳnh Thị Yến Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Danh Văn Hoàng

Ông Dương Thanh Minh.

- **Thư ký phiên toà:** Ông Nguyễn Minh Hoàng – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

Ngày 07 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 75/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2023 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1999. Địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện V, tỉnh Long An. (Có mặt).

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Đức M, sinh năm 1997. Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện V, tỉnh Long An (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị T và anh M tiến đến hôn nhân có sự tìm hiểu nhau trước, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào tháng 02 năm 2023 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp ngày 14/3/2023. Sau đó vợ chồng làm ăn, sinh sống tại ấp T, xã H, huyện V, tỉnh Long An.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng chỉ hạnh phúc thời gian ngắn thì xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng. Nguyên nhân do anh M thường ra ngoài đi chơi với bạn bè, khi chị T khuyên can, nhắc nhở nhiều lần vẫn không có kết quả

nên đòi về nhà mẹ ruột sống thì bị anh M đe dọa. Hiện tại vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2023 đến nay.

Nay chị T nhận thấy không còn tình cảm với anh M nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M. Vợ chồng chỉ chung sống trong thời gian ngắn nên không có con chung. Về tài sản chung: Có vàng cưới nhưng chị T sẽ tự thỏa thuận với anh M, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Nguyễn Đức M vắng mặt tại phiên tòa nhưng có thể hiện ý kiến tại biên bản hòa giải ngày 01/6/2023 như sau:

Anh M thống nhất với phần trình bày của chị T về quá trình tiến đến hôn nhân, vợ chồng có đăng ký kết hôn như chị T trình bày. Về mâu thuẫn vợ chồng, anh M cho rằng hai người không có mâu thuẫn gì lớn, anh M thừa nhận có đi nhậu với bạn bè nhưng thỉnh thoảng mới đi. Chị T thường xuyên đòi về nhà mẹ ruột nên vợ chồng có cự cãi. Trước yêu cầu ly hôn của chị T thì anh M không đồng ý ly hôn vì còn tình cảm với chị T, đề nghị Tòa án cho anh M thêm thời gian để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Quá trình chung sống, vợ chồng không có con chung, tài sản chung chỉ có vàng cưới nhưng không yêu cầu giải quyết, nợ chung không có.

Sau phiên hòa giải ngày 01/6/2023, Tòa án cũng đã tạo điều kiện cho anh M và chị T hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Tại phiên hòa giải ngày 30/6/2023, chị T vẫn cương quyết ly hôn, anh M vẫn giữ quan điểm xin đoàn tụ nhưng không có biện pháp hàn gắn cũng như cải thiện tình cảm vợ chồng và hai người vẫn đang sống ly thân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ đơn khởi kiện, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố Tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại ấp T, xã H, huyện V, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Anh Nguyễn Đức M vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án, xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Đức M xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 14/3/2023 nên được xem là hôn nhân hợp pháp, yêu cầu giải quyết ly hôn của nguyên đơn sẽ được xem xét giải quyết theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về mâu thuẫn vợ chồng: Chị Nguyễn Thị T cho rằng cuộc sống vợ chồng giữa chị và anh M chỉ hạnh phúc một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, bất đồng. Nguyên nhân do anh M hay đi chơi với bạn bè, chị khuyên can không có kết quả nên đòi về nhà mẹ ruột sống thì bị anh M hăm dọa. Hiện tại vợ chồng đã sống ly thân từ thời điểm chị T gửi đơn ly hôn, mỗi người sống một nơi không còn quan tâm đến nhau nữa nên khả năng hàn gắn không còn. Do đó chị T cương quyết ly hôn với anh M, chấm dứt quan hệ vợ chồng. Anh M không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng mặc dù Tòa án đã tổ chức nhiều phiên hòa giải để tạo điều kiện hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không có kết quả. Ngoài ra, tại các phiên tòa, anh M cũng không tham dự để trình bày ý kiến, bỏ mặc kết quả giải quyết.

[2.3] Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh M đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống vợ chồng không thể kéo dài, căn cứ quy định tại các điều 19, 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T.

[3] Về con chung: Chị T và anh M chỉ chung sống với nhau một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân nên chưa có con chung.

[4] Về tài sản chung: Chị T và anh M trình bày có tài sản chung là vàng cưới nhưng không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị T và anh M đều xác định vợ chồng không có nợ ai và trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết việc ly hôn cũng không có ai tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ các điều 19, 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị T.

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Đức M.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước. Chuyển

300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bị T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng theo biên lai số 0004064 ngày 19/5/2023 sang tiền án phí.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa được biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Long An;
- VKSND, Chi cục THADS H. Vĩnh Hưng;
- Các đương sự;
- UBND xã Mỹ Hòa, Tháp Mười, Đồng Tháp;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Yến Linh